TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2026**/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2026
"Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Ông Danh Út Nhỏ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 412/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19/11/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hồng P – sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn C – sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ B, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng*: Ông Trần Kim S – sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số B, tổ B, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

(chị P và ông S có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 11/11/2025 và tại Biên bản không hòa giải được ngày 04/02/2026, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng P trình bày:

Vào năm 2007, được sự giới thiệu của người thân chị và anh Trần Văn C tự tìm hiểu tình cảm được một thời gian thì đi đến kết hôn. Hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 09/7/2007.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thời gian sau đó thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị P là do anh C thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cải, chị không chịu đựng được nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng

ly thân từ khoảng 01 năm nay. Trong thời gian ly thân chị và chồng không trao đổi cũng như không thể hàn gắn với nhau được. Nay, sau thời gian dài ly thân chị xét thấy không thể hàn gắn nên xin được ly hôn, để trả cho cả hai sự tự do, không ràng buột gì với nhau về sau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Thiên P1 – sinh ngày 28/9/2007, con chung hiện tại đang sống cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị Hồng P yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn C; Về con chung, đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung; Về tài sản chung, nợ chung: chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Trần Văn C không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh C nhưng chị không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh C.

Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng ngày 15/01/2026 Người làm chứng ông Trần Kim S trình bày:

Trước đây được sự giới thiệu của người thân anh Trần Văn C và chị Lê Thị Hồng P quen biết với nhau một thời gian ngắn thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đến ngày 09/7/2007 được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01. Anh C và chị P chung sống đến năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn, còn mâu thuẫn như thế nào thì tôi không biết. Khoảng tháng 10/2025 chị P tuyên bố ly hôn và dọn đồ đạc về quê mẹ ở tại V - V, Hậu Giang ở đến nay. Có mấy lần chị P còn tuyên bố ly hôn và sẽ lấy chồng nước ngoài vì chê con tôi nghèo. Khi đi chị P dẫn cháu P1 đi về bển (Vị T) ở cho đến nay.

Về tài sản chung thì có căn nhà cấp 4 cất đậu trên đất của tôi, ngoài ra không có tài sản nào khác; Về nợ chung tôi nghe nói là vợ chồng tự giải quyết với nhau và không yêu cầu giải quyết, ngoài ra không có nợ tổ chức tín dụng nào; Về con chung chị P và anh C có 01 con chung tên là Trần Thiên P1 – sinh năm 2007 và đang ở với chị P.

Trong vụ án này tôi là cha ruột của anh Trần Văn C, anh C có nơi đăng ký thường trú cùng tôi nên tôi đồng ý nhận dùm các văn bản của Tòa án cho con tôi, gia đình tôi đồng ý cho anh C và chị P ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng

quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Lê Thị Hồng P được ly hôn với anh Trần Văn C; Về con chung: đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có và chị P không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Lê Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn C được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Chị Lê Thị Hồng P với tư cách là nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

Anh Trần Văn C với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh C không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn C.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng P và anh Trần Văn C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80 quyển số 01 ngày 09/7/2007, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị Hồng P được ly hôn với anh Trần Văn C vì lý do anh C không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi và vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Từ ngày ly thân chị

và anh C không gặp mặt, không trao đổi với nhau, cũng như không có biện pháp hàn gắn im lặng kéo dài đến nay.

Đối với anh Trần Văn C, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh C đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Chị Lê Thị Hồng P khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không hòa giải được với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh C và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh C. HĐXX thấy rằng, chị Lê Thị Hồng P và anh Trần Văn C đã không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân là để cả hai có thời gian cùng nhau nhìn lại những gì đã trãi qua nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng P là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Hồng P xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thiên P1 – sinh ngày 28/9/2007. Cháu P1 đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Do đó HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Hồng P xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Do anh Trần Văn C không có ý kiến tại Tòa về vấn đề tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì anh C có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn chị Lê Thị Hồng P phải chịu nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Hồng P được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng P phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008885, ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Lê Thị Hồng P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 14/4/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 5;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *UBND xã Vĩnh Hòa Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập